

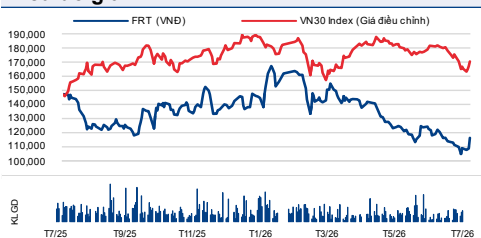
Mua vào

Giá mục tiêu: VND168,095
Tiềm năng tăng/giảm: 44.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/7/2026)	116,300
Mã Bloomberg	FRT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	105,000-167,146
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	110,125
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	20,796
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	791
Slg CP lưu hành (tr.đv)	179
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	83.4
Slg CP NN được mua (tr.đv)	29.9
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	31.5%
Tỷ lệ freefloat	47.7%
Cổ đông lớn	Công ty Cổ phần FPT (46.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	51,083	63,317	73,785
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,314	2,526	3,276
LNTT (tỷ đồng)	1,219	1,976	2,744
LNT ĐC (tỷ đồng)	795	1,201	1,633
FCF (tỷ đồng)	2,213	309	1,002
EPS ĐC (đồng)	4,445	6,717	9,130
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	23,328	30,045	39,175
T.trưởng EBITDA (%)	90.4	92.2	29.7
T.trưởng EPS ĐC (%)	104	51.1	35.9
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.57	3.99	4.44
Tỷ suất LNTTT (%)	2.39	3.12	3.72
Tỷ suất LNT ĐC (%)	1.56	1.90	2.21
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	173	147	111
ROAE (%)	26.1	25.2	26.4
ROACE (%)	36.2	35.3	36.0
EV/doanh thu (lần)	0.55	0.45	0.39
EV/EBITDA ĐC (lần)	21.3	11.3	8.70
P/E ĐC (lần)	26.2	17.3	12.7
P/B (lần)	4.99	3.87	2.97
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FRT là nhà bán lẻ được phẩm hàng đầu Việt Nam. Tại thời điểm cuối quý 1/20256, công ty có 2.517 nhà thuốc Long Châu và 621 cửa hàng điện thoại FPT Shop.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Lê Hoài Phúc

Chuyên viên cao cấp, Ngành Hàng Tiêu
phuc.nlh@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Long Châu tiếp tục thúc đẩy lợi nhuận tăng trưởng

- FRT ghi nhận KQKD Q2/2026 tích cực với doanh thu thuần tăng 37% và lợi nhuận thuần tăng 187% so với cùng kỳ. Doanh thu thuần và LNST trước lợi ích CĐTS lần lượt cao hơn 3% và 11% so với dự báo của HSC, trong khi lợi nhuận thuần thấp hơn 9%. Nhìn chung, KQKD sát với dự báo.
- Long Châu tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng lợi nhuận nhờ doanh thu của chuỗi tăng mạnh, năng suất cửa hàng duy trì tích cực và đòn bẩy hoạt động tiếp tục cải thiện. Doanh thu của FPT Shop cũng cao hơn dự báo mặc dù lợi nhuận vẫn gần mức hòa vốn.
- Tính chung nửa đầu năm 2026, FRT đã hoàn thành 48,6% dự báo doanh thu thuần và 52,4% dự báo lợi nhuận thuần cả năm 2026 của HSC. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 168.095đ.

Sự kiện: Tỷ suất lợi nhuận cải thiện thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận

FRT ghi nhận doanh thu thuần và LNST trước lợi ích CĐTS Q2/2026 đạt lần lượt 15.626 tỷ đồng và 451 tỷ đồng, tăng 37% và 187% so với cùng kỳ, đồng thời cao hơn lần lượt 3% và 11% so với dự báo của HSC. Lợi nhuận thuần (LNST sau lợi ích CĐTS) đạt 342 tỷ đồng, tăng 187% so với cùng kỳ nhưng thấp hơn 9% so với dự báo. Chênh lệch này phản ánh cơ cấu lợi nhuận khi Long Châu đóng góp phần lớn mức tăng lợi nhuận.

Lợi nhuận gộp tăng 39% so với cùng kỳ đạt 3.161 tỷ đồng, nhanh hơn mức tăng của doanh thu; tỷ suất lợi nhuận gộp tăng 0,3 điểm phần trăm lên mức 20,2%. Chi phí quản lý & bán hàng tăng chậm hơn, tăng 26% so với cùng kỳ đạt 2.562 tỷ đồng, qua đó tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng trên doanh thu giảm từ 17,9% trong Q2/2025 xuống 16,4%. Theo đó, EBIT tăng mạnh 152% so với cùng kỳ đạt 598 tỷ đồng, cho thấy đòn bẩy hoạt động của toàn Tập đoàn cải thiện.

Doanh thu HĐ tài chính tăng mạnh 175% so với cùng kỳ đạt 171 tỷ đồng nhưng chi phí tài chính cũng tăng 125% đạt 211 tỷ đồng, khiến lỗ tài chính tăng 26% lên 40 tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD hợp nhất Q2/2026, FRT

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	11,390	15,626	37.2%	23,060	30,743	33.3%
Lợi nhuận gộp	2,271	3,161	39.2%	4,596	6,156	33.9%
Chi phí BH&QL	(2,034)	(2,562)	26.0%	(4,041)	(5,083)	25.8%
EBIT	237	598	152.3%	555	1,073	93.3%
Chi phí tài chính ròng	(31)	(40)	26.0%	(82)	(48)	-42.0%
LNST trước lợi ích của cổ đông thiểu số	157	451	186.9%	370	825	123.0%
LNST sau lợi ích của cổ đông thiểu số	119	341	187.0%	287	629	119.2%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	19.9%	20.2%	+0.3 điểm %	19.9%	20.0%	+0.1 điểm %
Chi phí BH&QL / doanh thu	17.9%	16.4%	+1.5 điểm %	17.5%	16.5%	+1.0 điểm %
Tỷ suất lợi nhuận thuần	1.0%	2.2%	+1.1 điểm %	1.2%	2.0%	+0.8 điểm %

Nguồn: FRT, HSC ước tính

Tính chung nửa đầu năm 2026, doanh thu thuần đạt 30.743 tỷ đồng (tăng 33% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 629 tỷ đồng (tăng 119% so với cùng kỳ), bằng lần lượt 48,6% và 52,4% dự báo cả năm 2026 của HSC.

Long Châu: Tỷ suất lợi nhuận cải thiện, thúc đẩy mạnh đà tăng trưởng doanh thu

Doanh thu Q2/2026 của Long Châu tăng 38% so với cùng kỳ đạt 11.105 tỷ đồng, nhờ tiếp tục mở rộng mạng lưới và duy trì năng suất cửa hàng tích cực. Kết quả này cao hơn 2% so với dự báo 10.910 tỷ đồng của HSC.

Doanh thu bình quân hằng tháng trên mỗi cửa hàng duy trì tích cực ở mức khoảng 1,3 tỷ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ và 4,9% so với quý trước, mặc dù chuỗi tiếp tục mở mới cửa hàng. Tính đến cuối tháng 6/2026, chuỗi vận hành 2.639 nhà thuốc, tăng 448 nhà thuốc so với cùng kỳ và 222 nhà thuốc so với đầu năm; cùng 236 trung tâm tiêm chủng, tăng 58 trung tâm so với cùng kỳ và 13 trung tâm so với đầu năm.

Bảng 2: KQKD Q2/2026, Long Châu

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	8,024	11,105	38.4%	16,078	21,448	33.4%
Lợi nhuận gộp	1,870	2,770	48.1%	3,757	5,327	41.8%
Chi phí BH&QL	(1,589)	(2,076)	30.6%	(3,138)	(4,092)	30.4%
EBIT	281	694	147.0%	618	1,235	99.8%
LNST	201	454	125.9%	434	817	88.2%
Số lượng nhà thuốc	2,191	2,639				
Số lượng trung tâm tiêm chủng	178	236				
Doanh thu bình quân mỗi cửa hàng hàng tháng	1.18	1.32	11.7%	1.21	1.29	6.4%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	23.3%	24.9%	+1.6 điểm %	23.4%	24.8%	+1.4 điểm %
Chi phí BH&QL / doanh thu	-19.8%	-18.7%	+1.1 điểm %	-19.5%	-19.1%	+0.4 điểm %
Tỷ suất lợi nhuận thuần	2.5%	4.1%	+1.6 điểm %	2.7%	3.8%	+1.1 điểm %

Nguồn: FRT, HSC ước tính

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2026 của Long Châu tiếp tục cải thiện từ mức 23,3% trong Q2/2025 lên 24,9%. Tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng trên doanh thu giảm 1,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ xuống 18,7%, phản ánh khả năng hấp thụ chi phí hoạt động tốt hơn. Theo đó, LNST ước tính tăng 126% so với cùng kỳ đạt 454 tỷ đồng, đóng góp phần lớn mức tăng lợi nhuận của FRT và cao hơn 15,6% so với dự báo 393 tỷ đồng của HSC.

FPT Shop: Doanh thu phục hồi mạnh nhưng lợi nhuận vẫn gần mức hòa vốn

Doanh thu Q2/2026 của FPT Shop tăng 33% so với cùng kỳ đạt 4.572 tỷ đồng. Tăng trưởng được thúc đẩy nhờ giá bán bình quân cao hơn ở một số ngành hàng, các chương trình bán hàng hiệu quả và giải pháp tài chính linh hoạt. Số lượng cửa hàng không đổi so với quý trước, ở mức 621 cửa hàng.

Doanh thu bình quân hằng tháng trên mỗi cửa hàng đạt 2,5 tỷ đồng, tăng 34,1% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, khả năng chuyển hóa tăng trưởng doanh thu thành lợi nhuận vẫn yếu. Lợi nhuận gộp tăng 22% so với cùng kỳ trong khi tỷ suất lợi nhuận gộp giảm 1,1 điểm phần trăm xuống 11,5%.

LNST chỉ đạt 1 tỷ đồng, so với khoản lỗ 27 tỷ đồng trong Q2/2025 và thấp hơn dự báo 15 tỷ đồng của HSC. Chi phí lãi vay tăng tiếp tục hấp thụ phần lớn mức cải thiện từ HĐKD, khiến mảng này vẫn gần hòa vốn mặc dù doanh thu phục hồi mạnh.

Duy trì khuyến nghị Mua vào và các dự báo lợi nhuận

HSC tiếp tục duy trì quan điểm tích cực đối với FRT nhờ tăng trưởng doanh thu mang tính cơ cấu của Long Châu, năng suất cửa hàng duy trì tích cực và đòn bẩy hoạt động cải thiện.

KQKD thực hiện tích cực trong nửa đầu năm 2026 nhìn chung giúp củng cố các dự báo hiện tại của HSC cho cả năm 2026, gồm doanh thu thuần 63.317 tỷ đồng và lợi nhuận thuần 1.201 tỷ đồng. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 168.095đ.

Bảng 3: KQKD Q2/2026, FPT Shop

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	3,440	4,572	32.9%	7,122	9,387	31.8%
Lợi nhuận gộp	434	528	21.7%	894	1,074	20.1%
Chi phí BH&QL	(445)	(486)	9.2%	(902)	(990)	9.8%
EBIT	(3)	78	Đảo chiều	2	149	73.5 lần
LNST	(27)	1	Đảo chiều	(46)	18	Đảo chiều
Số lượng cửa hàng FPT Shop	625	621				
Doanh thu bình quân mỗi cửa hàng hàng tháng	1.83	2.45	34.1%	1.89	2.52	33.1%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	12.6%	11.5%	-1.1 điểm %	12.6%	11.4%	-1.1 điểm %
Chi phí BH&QL / doanh thu	12.9%	10.6%	+2.3 điểm %	12.7%	10.5%	+2.1 điểm %
Tỷ suất lợi nhuận thuần	-0.8%	0.02%	+0.8 điểm %	-0.6%	0.2%	+0.8 điểm %

Nguồn: FRT, HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	40,104	51,083	63,317	73,785	83,324
Lợi nhuận gộp	7,583	10,010	12,825	15,152	17,358
Chi phí BH&QL	(6,893)	(8,696)	(10,733)	(12,338)	(13,672)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	690	1,314	2,092	2,813	3,686
Lãi vay thuần	(157)	(111)	(122)	(76.3)	21.3
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(5.76)	16.0	7.09	7.09	7.09
LN TT	527	1,219	1,976	2,744	3,714
Chi phí thuế TNDN	(119)	(235)	(402)	(556)	(750)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(90.9)	(189)	(374)	(556)	(748)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	318	795	1,201	1,633	2,216
Lợi nhuận thuần ĐC	318	795	1,201	1,633	2,216
EBITDA ĐC	690	1,314	2,526	3,276	4,082
EPS (đồng)	2,184	4,445	6,717	9,130	12,390
EPS ĐC (đồng)	1,747	4,445	6,717	9,130	12,390
DPS (đồng)	3.79	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	143	179	179	179	179
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	143	179	179	179	179
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	179	179	179	179	179

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	2,098	2,870	3,995	5,524	6,182
Đầu tư ngắn hạn	986	5,929	7,429	8,929	11,929
Phải thu khách hàng	176	233	463	540	610
Hàng tồn kho	10,235	11,927	14,398	16,752	18,911
Các tài sản ngắn hạn khác	531	828	845	862	879
Tổng tài sản ngắn hạn	14,026	21,787	27,130	32,606	38,511
TSCĐ hữu hình	1,157	1,197	1,204	1,076	969
TSCĐ vô hình	228	289	378	368	358
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	422	441	361	382	406
Tổng tài sản dài hạn	1,806	1,927	1,943	1,826	1,733
Tổng cộng tài sản	15,833	23,714	29,072	34,432	40,244
Nợ ngắn hạn	8,800	10,052	11,833	13,246	14,424
Phải trả người bán	3,202	5,996	7,432	8,661	9,780
Nợ ngắn hạn khác	1,541	2,227	2,628	2,992	3,340
Tổng nợ ngắn hạn	13,712	18,574	22,358	25,529	28,377
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03
Nợ dài hạn khác	0.52	0.66	0.66	0.66	0.66
Tổng nợ dài hạn	0.55	0.69	0.69	0.69	0.69
Tổng nợ phải trả	13,713	18,575	22,359	25,529	28,378
Vốn chủ sở hữu	1,912	4,171	5,373	7,005	9,221
Lợi ích cổ đông thiểu số	208	968	1,341	1,897	2,645
Tổng vốn chủ sở hữu	2,120	5,139	6,714	8,902	11,866
Tổng nợ phải trả và VCSH	15,833	23,714	29,072	34,432	40,244
BVPS (đ)	13,364	23,328	30,045	39,175	51,565
Nợ thuần/(tiền mặt)	6,703	7,182	7,839	7,723	8,242

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	690	1,314	2,092	2,813	3,686
Khấu hao	0	0	(434)	(463)	(396)
Lãi vay thuần	(157)	(111)	(122)	(76.3)	21.3
Thuế TNDN đã nộp	(38.9)	(115)	(402)	(556)	(750)
Thay đổi vốn lưu động	(40.5)	1,565	(3,198)	(1,009)	(863)
Khác	(145)	(308)	1,935	(308)	(511)
LCT thuần từ HKKD	627	2,747	739	1,327	1,979
Đầu tư TS dài hạn	(490)	(534)	(430)	(325)	(280)
Góp vốn & đầu tư	208	(4,943)	(1,500)	(1,500)	(3,000)
Thanh lý	0.02	0.01	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(180)	(5,264)	(1,396)	(1,212)	(2,498)
Cổ tức trả cho CSH	(54.3)	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	51.6	2,037	0	0	0
Tăng/giảm nợ	692	1,251	1,782	1,413	1,177
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	689	3,289	1,782	1,413	1,177
Tiền & tương đương tiền đầu kì	961	2,098	2,870	3,995	5,524
LCT thuần trong kỳ	1,137	772	1,125	1,529	658
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.16	0.02	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,098	2,870	3,995	5,524	6,182
Dòng tiền tự do	137	2,213	309	1,002	1,699

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	18.9	19.6	20.3	20.5	20.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	1.72	2.57	3.99	4.44	4.90
Tỷ suất LNT (%)	0.79	1.56	1.90	2.21	2.66
Thuế TNDN hiện hành (%)	22.5	19.3	20.3	20.2	20.2
Tăng trưởng doanh thu (%)	25.9	27.4	23.9	16.5	12.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	917	90.4	92.2	29.7	24.6
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	192	150	51.1	35.9	35.7
Tăng trưởng EPS (%)	190	104	51.1	35.9	35.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	190	154	51.1	35.9	35.7
Tăng trưởng DPS (%)	(8.36)	(100)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0.17	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	18.1	26.1	25.2	26.4	27.3
ROACE (%)	35.9	36.2	35.3	36.0	35.5
Vòng quay tài sản (lần)	2.77	2.58	2.40	2.32	2.23
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.91	2.09	0.35	0.47	0.54
Số ngày tồn kho	115	106	104	104	105
Số ngày phải thu	1.98	2.07	3.35	3.36	3.37
Số ngày phải trả	35.9	53.3	53.7	53.9	54.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	353	173	147	111	90.3
Nợ/tài sản (%)	55.9	42.6	40.9	38.7	36.1
EBIT/lãi vay (lần)	4.39	11.9	17.1	36.9	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	12.8	7.69	4.71	4.07	3.56
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.02	1.17	1.21	1.28	1.36
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.58	0.55	0.45	0.39	0.35
EV/EBITDA ĐC (lần)	33.8	21.3	11.3	8.70	7.11
P/E (lần)	53.3	26.2	17.3	12.7	9.39
P/E ĐC (lần)	66.6	26.2	17.3	12.7	9.39
P/B (lần)	8.70	4.99	3.87	2.97	2.26
Lợi suất cổ tức (%)	0.00	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn